

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8– 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Thế Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 333/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 558/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phường E, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 09, ấp VB, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Hoàng N, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 13, ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N cùng vắng mặt và cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 15/6/2022 của bà Nguyễn Thị Phường E; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N tự tìm hiểu, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, ông N và bà E đi làm thuê tại Bình Dương. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng giữa tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn về tiền bạc. Cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Gia đình hai bên cũng không hòa giải, động viên cho bà E và ông N đoàn tụ mà để cả hai tự quyết định. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà E yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông N và bà E sinh được 02 (hai) con chung: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2020. Cả 02 con chung hiện đang sống cùng với bà E. Bà E yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2022, ông Phạm Văn Hoàng N cho biết: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà E về điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thống nhất về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông N yêu cầu Tòa án không công nhận ông N và bà E là vợ chồng do cả hai chung sống không đăng ký kết hôn. Đồng ý để bà E được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2020, ông N sẽ không cấp dưỡng nuôi con

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vấn đề con chung vào ngày 01/8/2022. Bà E và ông N cùng có mặt và yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng, yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về vấn đề con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Phường E giao nộp: Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 163/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã VT, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2020; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Văn Dũng; bản sao Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Phường E.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Phạm Văn Hoàng N giao nộp: Không có.

Tại phiên tòa, do bà E và ông N cùng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà E, ông N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà E, ông N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà E và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà E, ông N đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 đến nay, không hàn gắn tình cảm. Bà E, ông N thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà E là có căn cứ nên đề nghị không công nhận bà E và ông N là vợ chồng theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về con chung: Công nhận sự tự thỏa thuận của bà E, ông N đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2020 cho bà E được trực tiếp nuôi dạy, ông N không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phường E và bị đơn ông Phạm Văn Hoàng N cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phường E và bị đơn ông Phạm Văn Hoàng N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, không đăng ký kết hôn. Ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 13, ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà E và ông N tự tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc bà E và ông N không đăng ký kết hôn tại địa phương (theo Giấy xác nhận

tình trạng hôn nhân số 163/UBND-XNTTHN ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân xã VT, huyện AP). Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 01/08/2022, bà E và ông N cùng có yêu cầu Tòa án không công nhận cả hai là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà E và ông N sinh được 02 con chung tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2022.

Cả 02 con chung hiện đều đang sống cùng bà E, sau khi xE xét điều kiện nuôi con của bà E để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thỏa thuận của bà E và ông N. Theo đó, bà E được trực tiếp nuôi dạy con chung, ông N không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Phạm Văn Hoàng N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Phường E. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Phường E cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xE xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Phường E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Phạm Văn Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phường E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phường E được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 02/4/2018 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 29/12/2022. Ông Phạm Văn Hoàng N không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Phạm Văn Hoàng N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Phường E. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Phường E cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Phường E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà E đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007087 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Phạm Văn Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị Phường E và ông Phạm Văn Hoàng N. Bà E và ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn

